

SỬ DỤNG CÁC CHỦ ĐỀ CÓ LIÊN HỆ VỚI PHÒNG VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI HỌC NHẪM CẢI THIỆN TRẢI NGHIỆM HỌC KỸ NĂNG NÓI CỦA HỆ TỪ XA TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Đào Bùi Diệu Minh¹

Tóm tắt: Việc tích hợp các yếu tố văn hóa vào quá trình giảng dạy ngôn ngữ đã được đề xuất như một cách để tăng cường động lực học tập, sự tham gia và hiểu biết xuyên văn hóa. Phương pháp giảng dạy đáp ứng về văn hoá (CRT) thể hiện điểm ưu việt của nó so với các phương pháp truyền thống ở chỗ đã nhấn mạnh cách thức tích hợp nền tảng văn hóa của người học vào quá trình học tập của họ. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của CRT đến trải nghiệm học kỹ năng nói tiếng Anh của người học trong một Chương trình học từ xa tại một trường đại học công lập ở Việt Nam. Sử dụng các bảng khảo sát và quan sát hoạt động lớp học, nghiên cứu được tiến hành trên quy mô nhỏ tại lớp học với sự tham gia của 23 sinh viên. Mục đích của nghiên cứu là làm rõ tính hiệu quả của việc áp dụng CRT như một đổi mới trong giảng dạy tại lớp học kỹ năng nói. Kết quả cho thấy CRT có tác động tích cực đến mức độ tham gia và sự tự tin của sinh viên. Thứ yếu là sự gia tăng về phạm vi vốn từ vựng chung, độ chính xác ngữ pháp và khả năng diễn đạt trôi chảy. Tuy nhiên, các vấn đề đã nảy sinh liên quan đến chọn lọc tài liệu, cũng như cách tiếp cận tài liệu. Các nghiên cứu trong tương lai nên tập trung vào việc phát triển các tài liệu có tính đáp ứng về văn hoá.

Từ khoá: phương pháp dạy học đáp ứng văn hoá, CRT, kỹ năng nói

1. MỞ ĐẦU

Với xu hướng hội nhập toàn cầu và thế giới ngày càng trở nên phẳng hơn, tiếng Anh đã và đang có được vị thế như một ngôn ngữ quốc tế. Sự khác biệt về quốc tịch và bối cảnh văn hoá đã trở nên không còn quá quan trọng khi mọi người có thể giao tiếp với nhau bằng một ngôn ngữ chung là tiếng Anh. Sự hợp tác giữa người với người, cộng đồng với cộng đồng, và quốc gia với quốc gia được thúc đẩy trên phạm vi toàn cầu. Tiếng Anh trở thành phương tiện giao tiếp trong rất nhiều tổ chức quốc tế như Liên hiệp quốc, Liên minh Châu Âu, ASEAN, và là ngôn ngữ chính thức của rất nhiều các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Việc giao tiếp được bằng tiếng Anh đã trở thành một kỹ năng quan trọng với rất nhiều người trong thế kỷ 21 này.

Hiện nay không chỉ có đối tượng học sinh hay sinh viên có nhu cầu sử dụng được tiếng Anh, mà còn có các đối tượng đến từ nhiều ngành nghề với độ tuổi ngày một đa

¹ Trường Đại học Hà Nội

dạng. Đối tượng học viên mà người viết có cơ hội được giảng dạy trong một chương trình đại học từ xa có thể là bất cứ ai. Họ có thể là các công nhân viên chức cần sử dụng tiếng Anh cho công việc, hay các bà nội trợ muốn sử dụng tiếng Anh để kiếm thêm thu nhập. Trong bối cảnh đó, việc cung cấp các ngữ liệu và chủ đề có liên hệ mật thiết đến phong văn hoá, trải nghiệm xã hội của người học là điều rất hữu ích và cần thiết. Ladson-Billings (1995) đã từng khẳng định tầm quan trọng của việc tạo ra sự kết nối giữa nội dung giảng dạy với trải nghiệm, kinh nghiệm hay phong văn hoá vốn có của người học. Bà đã xây dựng cơ sở lý thuyết cho phương pháp giảng dạy đáp ứng về văn hoá (Culturally Responsive Teaching – viết tắt là CRT). Theo Ladson-Billings (1995), khi áp dụng phương pháp giảng dạy này, giáo viên sẽ tạo lập môi trường học tập với những khía cạnh liên quan với cuộc sống hay trải nghiệm của chính người học, giúp người học có được cảm giác “thuộc về” (inclusivity) trong lớp học đó. CRT vốn là một phương pháp được sử dụng với đối tượng là những người thuộc nhóm thiểu số, hay yếu thế nhằm phá bỏ những ranh giới giữa họ với cộng đồng trong lớp học. Phương pháp này có thể mang đến những trải nghiệm tích cực cho người học, thúc đẩy người học chủ động tham gia các hoạt động trong lớp (Pines, 2018; Aceves & Orosco, 2014; Hinduja và cộng sự, 2021).

Được truyền cảm hứng bởi phương pháp CRT, nghiên cứu dưới đây trình bày hoạt động đổi mới trong lớp học kỹ năng nói tiếng Anh: sử dụng các chủ đề có liên quan đến phong văn hoá của người học, với một vài thay đổi để phù hợp với mục tiêu của khoá học và học viên. Thông qua nghiên cứu này, người viết cũng đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng các chủ đề nói liên hệ với kiến thức và trải nghiệm của học viên đến sự tham gia của họ trong các hoạt động trong lớp, hiệu quả đối với việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh, đồng thời đưa ra đề xuất cho các nghiên cứu trong tương lai.

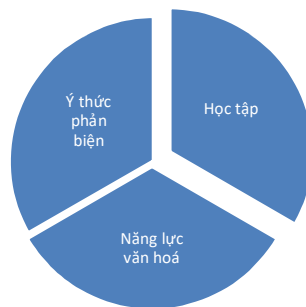
2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp giảng dạy đáp ứng về văn hoá (CRT)

2.1.1. Khái quát về CRT

Phương pháp CRT được phát triển dựa trên khung lý thuyết giảng dạy của Ladson-Billings (1995). Bắt nguồn từ việc bà không đồng tình với những đánh giá mang tính tiêu cực về trẻ em da màu như không có năng lực hay có những hành động tiêu cực, Ladson-Billings đã tiến hành nghiên cứu nhóm trẻ em này cũng như gia đình và cộng đồng mà các em đang sinh sống. Điểm đặc biệt trong nghiên cứu của Ladson-Billings là việc tìm hiểu phương pháp dạy của các giáo viên mà nhóm học sinh này yêu thích để hiểu về các em. Nghiên cứu của bà đã chỉ ra dù các giáo viên này có phương pháp giảng dạy đa dạng, chúng đều chứa một số đặc điểm chung như: kỳ vọng với học sinh, cam kết thúc đẩy việc học, và sự gắn kết sâu sắc với cộng đồng văn hoá của các em. Những giáo viên này không

chỉ trân trọng đặc trưng phong văn hoá của học sinh đa màu mà còn hoà mình vào trong cộng đồng ấy. Bà định nghĩa mô hình này như một mô hình “không chỉ hướng tới thành tích học tập của học sinh mà còn giúp học sinh chấp nhận và khẳng định bản sắc văn hóa của mình đồng thời phát triển quan điểm phê phán đối với những bất bình đẳng mà nhà trường (và các tổ chức khác) đang thực hiện” (tr. 469).



Phương pháp này bao gồm ba thành phần chính sau:

a. Học tập:

- Tập trung vào sự phát triển trí tuệ: Phương pháp này khuyến khích học sinh phát triển khả năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và đạt được thành tích học tập cao.

- Khuyến khích sự xuất sắc: Mục tiêu là giúp học sinh đạt được những tiêu chuẩn cao nhất có thể.

b. Năng lực văn hóa:

- Khẳng định bản sắc: Học sinh được khuyến khích tôn trọng và tự hào về nền văn hóa của mình.

- Mở rộng hiểu biết về các nền văn hóa khác: Học sinh được tạo cơ hội tìm hiểu và đánh giá cao các nền văn hóa khác nhau.

- Nhận thức về sự đa dạng văn hóa: Học sinh hiểu được sự đa dạng của các nền văn hóa và tầm quan trọng của việc tôn trọng sự khác biệt.

c. Tinh thần phản biện :

- Nhận biết và phân tích các vấn đề xã hội: Học sinh được dạy cách nhận biết các vấn đề bất công trong xã hội, đặc biệt là những vấn đề ảnh hưởng đến các nhóm thiểu số.

- Phát triển khả năng giải quyết vấn đề: Học sinh được trang bị kỹ năng để giải quyết các vấn đề xã hội và tạo ra những thay đổi tích cực.

Bằng cách tích hợp các thành phần này, CRT không chỉ nâng cao thành tích học tập mà còn thúc đẩy sự khẳng định về văn hóa và tư duy phản biện, giúp học sinh có khả năng ứng phó và đương đầu với sự phức tạp của thế giới xung quanh.

Wlodkowski và Ginsberg (1995) đã đề xuất một số tiêu chí nhằm định hướng cho việc giảng dạy với phương pháp CRT:

- a. Thiết lập sự kết nối
 - Nhấn mạnh mục đích nhân văn của tài liệu: Giáo viên nên giúp học sinh hiểu được ý nghĩa của kiến thức đối với cuộc sống của họ và cách nó có thể được áp dụng vào thực tế.
 - Chia sẻ quyền sở hữu kiến thức với học sinh: Học sinh nên được khuyến khích tham gia vào quá trình học tập và đóng góp ý kiến của mình.
 - Tạo điều kiện hợp tác: Học sinh cần được tạo cơ hội làm việc nhóm và hợp tác với nhau.
 - Đối xử công bằng với học sinh: Mỗi học sinh đều cần được đối xử công bằng và tôn trọng.
- b. Phát triển thái độ tích cực
 - Liên kết hoạt động dạy và học với kinh nghiệm của học sinh: Nội dung bài học nên được liên kết với những hiểu biết và trải nghiệm của học sinh.
 - Khuyến khích học sinh đưa ra lựa chọn: Học sinh nên được tham gia vào việc lựa chọn nội dung học tập và phương pháp đánh giá.
 - Tạo ra ý nghĩa phong phú: Bài học cần được thiết kế để kích thích sự tò mò và khuyến khích học sinh tư duy sâu sắc.
- c. Làm giàu ý nghĩa
 - Đưa ra các tác vụ học tập đòi hỏi tư duy ở cấp độ cao: Học sinh cần được đặt vào những tình huống đòi hỏi họ phải phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
 - Thảo luận các vấn đề thực tế: Bài học nên liên hệ với các vấn đề xã hội mà học sinh quan tâm.
 - Tích hợp ngôn ngữ của học sinh: Giáo viên nên khuyến khích học sinh sử dụng ngôn ngữ của mình để thể hiện tư duy và cảm xúc.
- d. Thúc đẩy phát triển năng lực
 - Điều chỉnh quá trình đánh giá: Phương pháp đánh giá cần phù hợp với quan điểm, khung tham chiếu và chuẩn mực của học sinh.
 - Sử dụng nhiều phương pháp đánh giá: Có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá khác nhau để đánh giá năng lực của học sinh ở các thời điểm khác nhau.
 - Khuyến khích tự đánh giá: Học sinh cần được dạy cách đánh giá bản thân và đặt ra mục tiêu học tập.

Phương pháp CRT như được thảo luận ở trên có những đặc điểm tương đồng với các phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm (SCL) khi chúng đều đặt trọng tâm của quá trình học tập vào người học, ưu tiên nhu cầu, sở thích và phong cách học tập của người học (Bhardwaj và cộng sự, 2025). CRT và SCL thúc đẩy quyền tự chủ và tự do chọn lựa của người học, đề cao tiếng nói của người học trong quá trình học tập. Thêm vào đó, trong CRT hay SCL, vai trò của người giáo viên chuyển từ người truyền đạt kiến thức trở thành người hướng dẫn, hỗ trợ cho người học chủ động trong quá trình học tập của mình. CRT cũng như các phương pháp SCL khác còn giúp thúc đẩy tư duy và kỹ năng bậc cao như tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, sáng tạo, chứ không còn là việc ghi nhớ kiến thức đơn thuần. Cuối cùng, CRT và các phương pháp SCL khác đều giúp tăng cường gắn kết và tạo động lực cho người học.

Sự khác biệt giữa CRT so với các phương pháp SCL khác nằm ở chỗ phương pháp này tập trung trực tiếp vào việc lấy văn hoá, kinh nghiệm và bản sắc độc đáo của người học làm khởi đầu cho việc học tập (Culturally Responsive Teaching | EBSCO, n.d.). Trong CRT, những rào cản với việc học như ngôn ngữ, văn hoá, bản sắc sẽ là nền tảng để giáo viên dựa vào đó xây dựng kiến thức, biến rào cản trở thành tài sản. Khác với các phương pháp SCL khác thúc đẩy tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề đơn thuần, CRT tập trung phát triển hai kỹ năng này tập trung vào việc phân tích cấu trúc quyền lực hoặc bất bình đẳng xã hội, coi đó là cốt lõi của việc học (Culturally Responsive Teaching – National Equity Project, n.d.). CRT tạo cầu nối giữa gia đình và trường học, đưa các ví dụ thực tế và kinh nghiệm sống của học sinh vào lớp học, phát triển ý thức tích cực về bản sắc của mình.

Trong nghiên cứu này, việc xác định những tiêu chí định hướng cho việc tiến hành giảng dạy theo phương pháp CRT sẽ giúp người nghiên cứu xác định được tiêu chí cho việc lựa chọn các tài liệu để chúng có ý nghĩa với cuộc sống của người học, có thể áp dụng vào thực tế. Ngoài ra mỗi cá nhân trong lớp học, dù họ là ai, đến từ đâu, với năng lực ở mức nào thì đều có vai trò quan trọng, được khuyến khích đóng góp ý kiến cá nhân xây dựng bài học. Trong các giờ học, người học luôn được tham gia làm việc nhóm cùng nhau, chia sẻ những kiến thức và trải nghiệm cá nhân. Các hoạt động tư duy ở bậc cao như phản biện hay sáng tạo được tạo điều kiện và các tình huống giả lập để thúc đẩy phát triển như trong các hoạt động tranh biện hay đóng vai.

2.1.2. Ảnh hưởng của CRT đến sự tham gia của người học vào các hoạt động nói

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng CRT là một trong những phương pháp có thể tăng cường sự tham gia của học sinh vào hoạt động nói. CRT có thể xây dựng một môi trường học tập tích cực, đáp ứng được nhu cầu của người học, nhờ thế khuyến khích người học chủ động hơn trong việc tham gia các hoạt động trong lớp (Vavrus, 2008). Cụ thể, khi

những kiến thức, cũng như trải nghiệm trong cuộc sống của học viên được tận dụng như một nguồn ngữ liệu trong giảng dạy, người học có thể cảm thấy được công nhận và được khuyến khích tham gia tư duy trong hoạt động nói (Aceves & Orosco, 2014). Bên cạnh đó, tư duy phản biện và khả năng giải quyết tình huống có thể được phát triển khi sử dụng các tình huống thực tế với người học như ngữ liệu (Hastuti & Malihah, 2024). CRT, chính vì lẽ đó, có thể cách mạng hoá việc học tiếng Anh và cụ thể là phát triển kỹ năng nói của người học. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp CRT trong việc nâng cao sự tham gia của học sinh trong bối cảnh học ngôn ngữ.

Quá trình học ngôn ngữ hiệu quả, đặc biệt là khi người dạy và người học chú trọng vào hoạt động luyện nói, đòi hỏi một phương pháp toàn diện. Khái niệm CRT nổi lên như một chiến lược đáng chú ý nhằm nâng cao việc học ngôn ngữ bằng cách kết hợp bản sắc văn hóa của học sinh vào khung giáo dục, từ đó tăng cường sự tham gia và cải thiện trình độ. Các nghiên cứu tập trung vào việc nâng cao kỹ năng nói thông qua CRT cho thấy tiềm năng cải thiện kết quả học tập của học sinh và tăng cường sự tham gia vào các hoạt động liên quan đến ngôn ngữ. Bằng cách kết hợp các nguyên tắc của CRT vào môi trường giáo dục ngôn ngữ, giáo viên có thể đáp ứng nhu cầu đa dạng về ngôn ngữ của học sinh đa văn hóa, từ đó nuôi dưỡng cả khả năng ngôn ngữ và sự tôn trọng sự khác biệt về văn hoá.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trong một lớp học tiếng Anh nằm trong khuôn khổ chương trình giáo dục từ xa của một trường đại học công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Trong chương trình học này, học viên được yêu cầu tham gia vào lớp học trực tiếp với kỹ năng nói và kỹ năng viết vào các ngày cuối tuần. Một buổi học kỹ năng nói trong chương trình này sẽ kéo dài khoảng 3 tiếng đồng hồ.

Về đối tượng nghiên cứu: Theo danh sách, lớp học có sĩ số lớn, lên đến hơn 70 học viên; tuy nhiên sĩ số đi học thực tế thường chỉ ở mức 25 đến 30 người. Các học viên trong lớp có lứa tuổi và kinh nghiệm sống đa dạng, gồm sinh viên của các trường đại học khác, kỹ sư, bác sỹ, doanh nhân, người làm nội trợ. Trình độ tiếng Anh của các học viên trong lớp học có sự chênh lệch tương đối lớn từ mức A2 đến B2. Người nghiên cứu đã được giảng dạy các học viên này trong học phần trước; do vậy, người nghiên cứu nắm được các thông tin về bối cảnh xã hội cũng như phong văn hoá của họ.

Chương trình học: Chương trình học sử dụng giáo trình "Pathways" của National Geographic, tập trung vào việc phát triển các kỹ năng nghe, nói và tư duy phản biện. Tuy nhiên việc sử dụng giáo trình này mang tính gợi ý, và giáo viên được phép thay đổi nội dung cụ thể trong buổi dạy cho phù hợp với trình độ của học viên. Trong học phần này,

giáo viên sử dụng giáo trình Pathways số 2 cho kỹ năng nghe và nói như khung sườn để điều chỉnh nội dung chi tiết trong từng buổi học.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả đã áp dụng phương pháp nghiên cứu hành động (action research) nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh với đối tượng người học đa dạng trong chương trình từ xa. Nghiên cứu hành động là một phương pháp phù hợp với môi trường giáo dục, giúp cho người giáo viên với vai trò là người nghiên cứu có thể tìm hiểu, giải quyết những vấn đề thực tiễn trong hoạt động giảng dạy của mình (Dương, 2012). Để cụ thể hoá đánh giá tính hiệu quả của những đổi mới trong phương pháp giảng dạy của mình, người viết đã sử dụng phiếu khảo sát với các học viên đồng thời tiến hành quan sát hoạt động lớp học dựa trên danh sách kiểm tra phát triển bởi các nhà nghiên cứu từ UCLA (Culturally Responsive Checklist, n.d.) trong suốt quá trình tiến hành đổi mới.

2.2.3. Quá trình tiến hành nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trong suốt 4 tuần của tháng 6 năm 2024. Mỗi buổi học kỹ năng nói kéo dài trong vòng 3 tiếng. Chủ đề của các buổi học được thay đổi phù hợp với kiến thức, trải nghiệm nền của người học như sau:

Buổi học	Chủ đề trong giáo trình	Chủ đề điều chỉnh
1	Healthy lives (Forming healthy habits)	Vegetarian diet
2	Technology today and tomorrow (Self-driving car)	Electric cars
3	Culture and Tradition (Cowboys)	Vietnamese tradition of Joss paper burning
4	A thirsty world (cleaning water device)	Water pollution in Vietnam

Các chủ đề điều chỉnh được giáo viên lựa chọn dựa trên việc quan sát trong quá trình giảng dạy các học viên trong lớp từ học phần trước. Thông qua các quan sát và ghi nhận, người nghiên cứu đã điều chỉnh các chủ đề có liên quan đến đời sống, trải nghiệm thực tế của các học viên trong lớp để thúc đẩy việc tham gia tích cực của học viên vào các hoạt động nói trong giờ học.

2.2.4. Công cụ thu thập dữ liệu nghiên cứu

Trong suốt quá trình tiến hành nghiên cứu hành động, người viết đã sử dụng phương pháp quan sát lớp học với ghi chép thực địa những nội dung: như chủ đề được sử dụng trong buổi học, sự tham gia của người học thể hiện qua việc tham gia các hoạt động luyện

tập kỹ năng nói, thảo luận, thuyết trình, sự khó khăn của học viên và sự hỗ trợ của giáo viên và các học viên khác để vượt qua những khó khăn đó như thế nào.

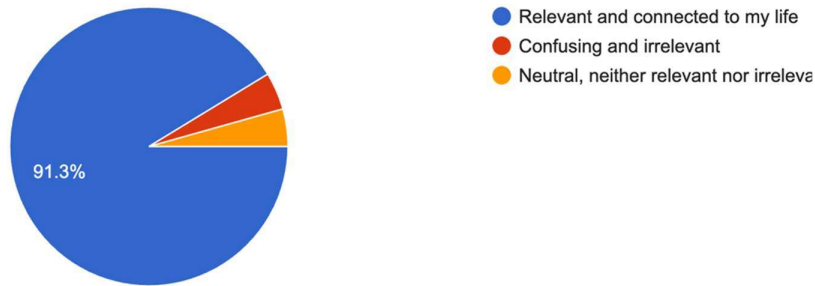
Kết thúc buổi học thứ 4, các học viên trong lớp được mời tham gia vào khảo sát về trải nghiệm học tập của họ với những tài liệu và chủ đề có liên hệ với văn hoá. Khảo sát bao gồm tám câu hỏi, cung cấp thông tin về các khía cạnh của việc sử dụng CRT trong lớp học như: tính hữu ích của các chủ đề, tài liệu về văn hoá, sự thích thú của các học viên với các chủ đề, tài liệu này, tính liên quan giữa các chủ đề, tài liệu với việc nói tiếng Anh trong thực tế của người học, những ích lợi mà người học cảm nhận được trong việc sử dụng chủ đề và tài liệu nêu trên, đánh giá sự ưa thích với các loại tài liệu đã được sử dụng như video, tạp chí, âm nhạc, đánh giá tính hữu ích của các hoạt động nói như đóng vai, tranh biện, thuyết trình; khó khăn khi học kỹ năng nói với các chủ đề và ngữ liệu liên quan đến văn hoá, và gợi ý những ngữ liệu có thể được dùng thêm như truyện cổ tích, các mẫu quảng cáo, các ngữ liệu với tiếng lóng.

2.3. Thảo luận

2.3.1. Những ưu điểm của việc thay đổi chủ đề nói có liên quan đến văn hoá của người học

Kết quả nghiên cứu được thu thập đã chỉ ra những ưu điểm của việc điều chỉnh chủ đề nói theo hướng phù hợp với văn hoá của học viên bao gồm: (i) cảm giác được tham gia và nội dung học trở nên có ý nghĩa hơn với người học; (iii) sự tham gia tích cực hơn vào hoạt động nhờ thế phát triển kỹ năng nói, và (iii) tăng vốn từ vựng.

Khi sử dụng các chủ đề có liên quan mật thiết đến đời sống của người học như việc đốt vàng mã (trong buổi học 3), quan sát cho thấy gần như tất cả các thành viên trong lớp học tham gia tích cực vào thảo luận cho câu hỏi: Should we continue to burn joss paper? (Chúng ta có nên tiếp tục việc đốt vàng mã không?). Học viên không chỉ tham gia tích cực vào việc trao đổi mà còn trình bày những quan điểm cá nhân với tư duy phản biện sâu sắc. Kết quả của phiếu điều tra chỉ ra, hơn 90% những học viên được hỏi đều khẳng định những chủ đề nói mới này phù hợp và có tính thực tiễn cao.



Biểu đồ 1. Sự phù hợp và hữu ích của các tài liệu và chủ đề liên quan đến phong văn hoá

Ngoài ra, những chủ đề mới còn giúp cho người học suy ngẫm về chính những trải nghiệm cuộc sống của mình. Trong buổi học 4 về chủ đề ô nhiễm nguồn nước, các học viên đã liên hệ với những trải nghiệm cá nhân về việc bị cắt nước, hay nước ở khu dân cư của họ bị nhiễm bẩn, đồng thời đưa ra những nhận định về thực trạng sử dụng nước của người dân Hà Nội, cách họ xử lý khi nguồn nước tại nơi ở bị gián đoạn hay bị ô nhiễm.

“I don’t know much about water pollution but my building did not have water for using last week. They said the pump was broken. I had to move to my friend’s house for several days. There is nothing I can do about it”. (Em không rõ về ô nhiễm nguồn nước nhưng tuần trước toà nhà em ở bị mất nước do vỡ đường ống. Em phải chuyển đến nhà bạn ở vài ngày vì chả làm gì khác được)

“I used to participate as a volunteer to clean water in other provinces. I think Hanoi should do some similar activities to clean rivers like Kim Nguu, Tô Lịch. Their smell in the summer is terrible. I live near Tô Lịch river, it makes me sick and I always close the windows and doors to stop the smell outside”. (Em đã từng làm tình nguyện viên cho một số hoạt động làm sạch nước ở các tỉnh thành khác. Em nghĩ Hà Nội nên có các hoạt động tương tự để làm sạch các sông như Kim Ngưu, Tô Lịch. Mùa hè chúng bốc mùi kinh khủng. Em sống gần sông Tô Lịch và em phải đóng hết các cửa lại để ngăn mùi)

Đáng chú ý, người học không gặp quá nhiều khó khăn khi phát triển ý cho phần nói của mình vì những ý tưởng đó đều đến từ trải nghiệm thực tế. Phần trình bày của các học viên trong các buổi học này không chỉ là những thông tin thu thập trên internet hay trong tài liệu mà còn đến từ trải nghiệm cá nhân.

Việc học từ vựng trong các bài học có sự điều chỉnh về chủ đề cho thấy những dấu hiệu tích cực hơn so với khi các học viên học những chủ đề xa lạ với họ. Trong chủ đề nói về xe điện (buổi học 2), những cụm từ như “carbon footprint” hay “zero emission vehicle” được học viên ghi nhớ và sử dụng ngay trong buổi học và quan sát chỉ ra những từ vựng này còn được sử dụng trong khi các học viên nói chuyện phiếm ngoài giờ.

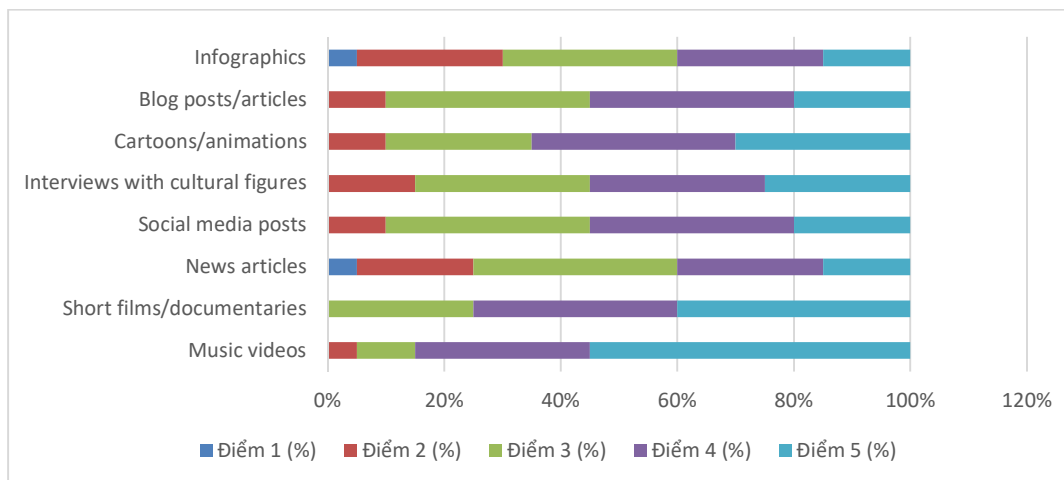
“I think zero emission cars are possible. I just read about car of the future when the scientists discover new type of fuel and the amazing thing is that no smoke is released”. (Em nghĩ xe không có phát thải là hoàn toàn có thể. Em vừa đọc về chiếc xe của tương lai, các nhà khoa học tìm ra loại nhiên liệu mới và nó không thải ra khói!)

“I just watched the show that introduced Vinfast electric cars to the public. I think it is the future, and I also plan to buy an electric car to limit the carbon footprint. My family all think that a great idea”. (Em vừa xem một chương trình giới thiệu xe điện của Vinfast và em nghĩ đây là chiếc xe của tương lai. Em cũng lên kế hoạch mua xe điện và gia đình em đều nghĩ đó là ý kiến hay)

Điều này chỉ ra rằng khi chủ đề bài học có liên quan đến những mối quan tâm, trải nghiệm của người học, những từ vựng đi kèm chủ đề ấy sẽ được ghi nhớ lâu hơn và được học viên sử dụng một cách chủ động hơn.

2.3.2. Tài liệu và các hoạt động khai thác

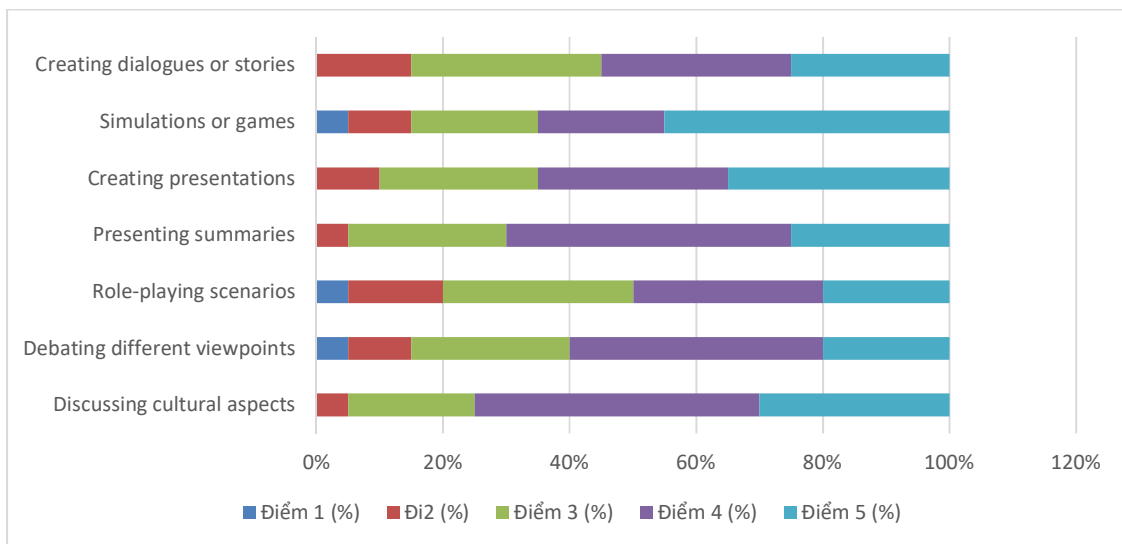
Việc sử dụng nhiều loại tài liệu văn hóa khác nhau giúp đáp ứng nhu cầu và sở thích đa dạng của học viên. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy không phải tất cả các loại tài liệu đều được học viên yêu thích như nhau. Những tài liệu như phim ngắn, phim tài liệu hay ca nhạc được đánh giá cao với khoảng hơn 60% các học viên cho ý kiến là hữu ích hoặc cực kỳ hữu ích trong khảo sát (Biểu đồ 2). Các tài liệu đương đại và quen thuộc với học viên thường tạo ra sự tương tác cao hơn vì chúng mang tính gần gũi và dễ tiếp cận. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc lựa chọn tài liệu phù hợp với bối cảnh văn hóa và độ tuổi của học viên. Ngoài ra, không phải tất cả các tài liệu văn hóa đều có hiệu quả như nhau trong việc hỗ trợ học tập ngôn ngữ. Các yếu tố như tính hấp dẫn, sự liên quan đến cuộc sống của học viên và phong cách học tập cũng đóng vai trò quan trọng.



Biểu đồ 2. Các loại tài liệu được sử dụng trong giảng dạy liên hệ với phong văn hoá

Về phương pháp giảng dạy, việc khuyến khích học viên tham gia vào các hoạt động như thuyết trình và tranh biện không chỉ giúp họ nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ mà còn giúp họ phát triển các kỹ năng tư duy phản biện và làm việc nhóm. Các học viên đánh giá cao các hoạt động như thảo luận, thuyết trình (Biểu đồ 3). Mặc dù vậy, việc đa dạng hoá các hoạt động trong lớp học kỹ năng nói tiếng Anh là vô cùng quan trọng. Kết hợp đa dạng các hoạt động vừa có thể khiến các học viên cảm thấy mỗi buổi đi học là một buổi trải nghiệm những tình huống mới mẻ, sử dụng những nhóm từ vựng cấu trúc mới, đồng thời còn tạo ra sự tự tin cho các học viên để họ có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp thực tế chứ không chỉ là những bài luyện nói khô cứng trong giáo trình. Như một học viên từng nêu cảm nghĩ trong một buổi học:

“Every week, I was excited and waited to be surprised by the videos or pieces of news and activities you involved us in. I can practice different skills and the practice is close to my life, my work, and I can use them right away”. (Hàng tuần, em cảm thấy hào hứng và chờ đến buổi học để bất ngờ với những video hay những mẫu tin và các hoạt động mà cô tổ chức. Em có thể luyện tập các kỹ năng khác nhau và các hoạt động luyện tập rất gần gũi với cuộc sống và công việc của em, em có thể dùng những kỹ năng đó ngay lập tức)



Biểu đồ 3. Các hoạt động khai thác tài liệu có liên hệ về phong văn hoá

2.3.3. Khó khăn và giải pháp

Việc thay đổi các chủ đề phù hợp với người học trong giảng dạy nói gặp phải nhiều thách thức, đặc biệt là trong việc lựa chọn và sử dụng tài liệu phù hợp. Nhiều học viên thể hiện quan điểm rằng họ gặp khó khăn trong quá trình sử dụng các tài liệu do tài liệu được chọn không hoàn toàn phù hợp với phong văn hoá hay kiến thức nền của họ. Đây là

một thực tế đối với các lớp học mà người học có sự đa dạng về bối cảnh xã hội, kiến thức và độ tuổi. Ngoài ra, độ phức tạp của tài liệu cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của phương pháp này. Xuyên suốt quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy trình độ của người học có độ phân hoá cao, việc lựa chọn một tài liệu để không quá dễ với đối tượng này hay không quá khó với đối tượng khác đặt ra cho người giáo viên những câu hỏi về cách tiếp cận tài liệu để sao cho mỗi học viên đều học được điều gì đó từ chủ đề được chọn.

Để khắc phục những khó khăn này, giáo viên cần chú trọng đến cách tiếp cận các chủ đề, cân nhắc đến trình độ, phong văn hoá của từng học viên, cung cấp các hướng dẫn cụ thể và xây dựng những tình huống giao tiếp thực tế. Trong quá trình giảng dạy, người dạy cần chú ý tới những học viên có năng lực yếu hơn để hỗ trợ họ trong quá trình làm các bài luyện tập và nhiệm vụ trong lớp học. Không chỉ thế, với các lớp học có trình độ học viên phân hoá cao, chính những học viên có năng lực tiếng tốt hơn sẽ là những người trợ giảng, giúp giáo viên hỗ trợ những người năng lực còn yếu. Việc phân nhóm các thành viên trong lớp để mỗi nhóm có các thành viên thuộc các trình độ khác nhau vừa có thể giúp họ hỗ trợ lẫn nhau trong học tập, đồng thời hạn chế việc có những nhóm có năng lực vượt trội, trong khi lại có những nhóm yếu thế, dễ dẫn đến sự tự ti của nhóm đó. Bên cạnh đó, việc xây dựng một môi trường học tập thân thiện, tôn trọng sự đa dạng văn hóa và đánh giá thường xuyên cũng là những yếu tố quan trọng để đảm bảo thành công của phương pháp CRT.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã làm sáng tỏ vai trò quan trọng của phương pháp giảng dạy đáp ứng văn hóa (CRT) trong việc nâng cao hiệu quả học tập ngôn ngữ. Qua việc kết hợp nội dung học tập với các yếu tố văn hóa, xã hội, CRT không chỉ giúp học viên tiếp thu kiến thức ngôn ngữ một cách tự nhiên mà còn rèn luyện cho họ những kỹ năng giao tiếp cần thiết trong thế giới ngày nay.

Tuy nhiên, quá trình triển khai CRT cũng đối mặt với nhiều thách thức. Việc lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp, thiết kế các hoạt động học tập đa dạng và đánh giá hiệu quả của phương pháp là những vấn đề đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng. Tài liệu giảng dạy cần đảm bảo tính đa dạng, phản ánh được sự phong phú với phong văn hoá của nhiều học viên, đồng thời phù hợp với trình độ và sở thích của họ. Các hoạt động học tập cần được thiết kế để khuyến khích học viên tương tác, trao đổi ý kiến và tạo ra một môi trường học tập sôi động. Việc đánh giá hiệu quả của CRT không chỉ dừng lại ở việc đo lường kết quả học tập mà còn cần đánh giá sự thay đổi về thái độ, nhận thức và hành vi của học viên.

Việc khắc phục những khó khăn kể trên cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà nghiên cứu, giáo viên và nhà hoạch định chính sách. Việc xây dựng các khung chương trình

giảng dạy chi tiết, cung cấp tài liệu tham khảo và tổ chức các khóa đào tạo cho giáo viên là những giải pháp cấp thiết. Ngoài ra, việc khuyến khích các trường học chia sẻ kinh nghiệm và xây dựng cộng đồng thực hành CRT cũng sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của phương pháp này.

Nghiên cứu này tuy nhiên vẫn còn những điểm chưa bao quát hết. Thứ nhất số lượng mẫu nghiên cứu khá nhỏ (23), do đó nghiên cứu chưa có tính đại diện, và kết quả nghiên cứu khó có thể được khái quát hoá ra các bối cảnh tương tự. Ngoài ra, do sự giới hạn về nguồn lực, thời gian, nghiên cứu vẫn chưa thể đánh giá được cụ thể tính hiệu quả của CRT khi sử dụng trong lớp học dạy kỹ năng nói tiếng Anh, mà mới chỉ giới hạn ở việc nâng cao trải nghiệm học tập của các học viên, để họ tham gia tích cực vào quá trình dạy và học.

Trong tương lai, việc mở rộng quy mô nghiên cứu và xây dựng mạng lưới cộng đồng chia sẻ kinh nghiệm sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển và ứng dụng rộng rãi của CRT trong giáo dục ngôn ngữ. Các nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào việc so sánh hiệu quả của CRT với các phương pháp giảng dạy truyền thống, hoặc nghiên cứu tác động lâu dài của CRT đối với sự phát triển ngôn ngữ và nhân cách của học viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aceves, T. C., & Orosco, M. J. (2014), *Culturally responsive teaching*, University of Florida.
2. Bhardwaj, V., Zhang, S., Tan, Y. Q., & Pandey, V. (2025), *Redefining learning: student-centered strategies for academic and personal growth*, *Frontiers in Education*, 10. <https://doi.org/10.3389/educ.2025.1518602>
3. *Culturally Responsive Teaching – National Equity Project*. (n.d.), National Equity Project, Truy cập vào 28/7/2025 tại <https://www.nationalequityproject.org/culturally-responsive-teaching>
4. Culturally Responsive Checklist. (n.d.), *Re-Imagining Migration*, Truy cập vào 18/7/2024 tại https://pz.harvard.edu/sites/default/files/Culturally-Responsive-Teaching-Checklist_Re-Imagining-Migration.pdf
5. *Culturally responsive teaching* | EBSCO. (n.d.). EBSCO Information Services, Inc. | www.ebsco.com. Truy cập vào 28/7/2025 tại <https://www.ebsco.com/research-starters/education/culturally-responsive-teaching>
6. Dương, D. M. (2012), *Ứng dụng phương pháp nghiên cứu hành động (action research) vào hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn tiếng Anh*, Tạp chí Khoa học trường Đại học Mở TP.HCM, số 7(2), 13-21.
7. Hastuti, D., & Malihah, N. (2024), *Systematic Literature Review (SLR): Implementation of The Project-Based Learning (PJBL) Approach to Improve Students' Speaking Skills*, Proceedings of International Interdisciplinary Conference And Research Expo.
8. Hinduja, P., Hussain, A., & Noor, S. (2021), *What Should We Learn from New Trends in Teacher Education*.
9. Ladson-Billings, G. (1995), *Toward a Theory of Culturally Relevant Pedagogy*, *American Educational Research Journal*, Vol. 32(3), 465-491.
10. Pines, M. (2018), *Teacher Perceptions of Arts Integration into General Education Curriculum*.
11. Vavrus, M. (2008), *Culturally responsive teaching. 21st century education: A reference handbook*, 2(49-57).
12. Wlodkowski, R. J., & Ginsberg, M.B. (1995). *Diversity and Motivation; Culturally Responsive Teaching*. Jossey Bass, San Francisco.

USING CULTURALLY RESPONSIVE TOPICS IN ENHANCING LEARNING
SPEAKING SKILLS EXPERIENCES IN A DISTANCE LEARNING COURSE IN A
UNIVERSITY IN VIETNAM

Dao Bui Dieu Minh

Abstract: *The integration of cultural background elements in language instruction has been advocated as a way to increase learner motivation, engagement, and cross-cultural understanding. Culturally Responsive Teaching (CRT) has risen from the more traditional pedagogy frameworks in that it stresses how to integrate students' cultural background into their learning. The purpose of the study was to examine Culturally Responsive Teaching (CRT) as a facilitator to enhance English speaking skills learning experiences in a Distance Learning Program implemented by a university in Vietnam. Using questionnaires and classroom observations, the small-scale research investigated 23 students' perceptions of CRT as well as the effectiveness of CRT enactment as a classroom innovation. The outcomes indicate that CRT had a positive effect on the students' levels of engagement, confidence. Secondary to this was the increase in general vocabulary range, grammatical accuracy, and fluency benefits obtained. Yet problems emerged with respect to materials, adapting the model, and teacher training. Future work should center on creating culturally responsive materials and providing continuous professional development for CRT to be effectively executed.*

Keywords: culturally responsive teaching, CRT, speaking, pedagogy

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-9-2025; ngày phản biện đánh giá: 08-10-2025; ngày chấp nhận đăng: 29-10-2025)